



①

**Câu 1 (Hình ①): Trong tranh có những gì?**

- A. Trên bàn: 책, 가방; Trên tường: 시계.
B. Trên bàn: 책, 연필; Trên tường: 달력.

②

**Câu 2 (Hình ②): Trong tranh có những gì?**

- A. Trên bàn: 책, 지우개; Trên tường: 달력.
B. Trên bàn: 책, 연필; Trên tường: 시계.

③

**Câu 3 (Hình ③): Trong tranh có những gì?**

- A. Trên bàn: 책, 지우개; Trên tường: 시계.
B. Trên bàn: 가방, 연필; Trên tường: 달력.

④

**Câu 4 (Hình ④): Trong tranh có những gì?**

- A. Trên bàn: 책, 가방; Trên tường: 달력.
B. Trên bàn: 책, 지우개; Trên tường: 시계.

**Câu hỏi về vị trí (이게 / 그게 / 저게) trong cả 4 tranh của 2 nhân vật 지영 (bạn nữ) và 민우 (bạn nam)**

지영

Câu 5: 지영 (đứng xa bàn) chỉ vào đồ vật trên bàn của 민우 để hỏi:

- A. 이게 뭐예요? B. 그게 뭐예요? C. 저게 뭐예요?



민우



민우

Câu 6: 민우 (đứng gần bàn) giới thiệu các đồ vật đang ở ngay sát mình:

- A. 이게 책이에요. B. 그게 책이에요. C. 저게 책이에요.

**Câu 7: Cả 지영 và 민우 đều ở xa đồ vật, đồ vật ở trên tường, vậy 지영 và 민우 sẽ hỏi/trả lời là:**

- A. 이게 달력이에요? - 네, 이게 달력이에요.
B. 그게 달력이에요? - 네, 이게 달력이에요.
C. 저게 달력이에요? - 네, 저게 달력이에요.

